| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN TÂN CHÂU | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 4503/QĐ-UBND | *Tân Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng**
**Công trình: Đường THO.98**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bốc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Đường THO.98;*

*Theo đề nghị tại Tờ trình số 172 /TTr-P.KT&HT ngày 21/11/2022 và Thông báo kết quả thẩm định số 411 /KQTĐ-P.KT&HT ngày 21/11/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và Kết quả thẩm tra số 36/BC-TTr/2022 ngày 7/11/2022 của Công ty TNHH Trường Trinh Phát về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Đường THO.98.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Đường THO.98.

**2. Người quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu.

**4. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, Cấp IV.

**5. Địa điểm xây dựng:** Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát.

**7. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát.

**8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Công ty TNHH Trường Trinh Phát.

**9. Quy mô:**

9.1. Tổng chiều dài tuyến: 1.575,3m.

9.2. Hiện trạng tuyến:

- Bình đồ tuyến đi qua khu vực nhà dân và đất sản xuất thuộc địa phận xã Tân Hội.

- Trên tuyến thoát nước chủ yếu theo độ dốc tự nhiên của địa hình.

9.3. Quy mô kỹ thuật:

a. Chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Chiều rộng mặt đường: 5m.

+ Chiều rộng nền đường: Theo trắc ngang chi tiết.

b. Bình đồ:

+ Tim tuyến thiết kế bám theo tim hiện trạng.

c. Trắc dọc:

+ Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Trắc dọc tuyến được thiết kế êm thuận.

d. Trắc ngang:

+ Cao độ thiết kế trắc ngang là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Mặt đường rộng 5m, độ dốc ngang mặt đường 4%.

+ Taluy đào nền đường: 1/1.

+ Taluy đắp nền đường: 1/1,5.

e. Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- Nền đường hiện hữu.

- Đắp đất cấp 2 đến cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt K ≥ 0,95.

- Đắp sỏi đỏ dày 20cm, lu lèn độ chặt K ≥ 0,98.

f. Trang thiết bị an toàn giao thông trên đường:

Bố trí biển báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

g. Hệ thống thoát nước:

+ Sử dụng ống cống BTCT M300 được sản xuất bằng phương pháp quay ly tâm kết hợp rung, tải trọng H30.

(Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình).

**10. Tổng mức đầu tư công trình (làm tròn): 2.446.990.000 đồng.** (*Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.057.723.835 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 51.686.281 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 186.927.069 đồng.
- Chi phí khác: 34.129.538 đồng.
- Chi phí dự phòng: 116.523.336 đồng.

**11. Thời gian thực hiện:** Năm 2022 - 2024.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Xây dựng nông thôn mới 60% (TW + tỉnh) + ngân sách huyện 30% + xã và vận động 10%.

**13. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**14. Các nội dung khác:** Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công trình đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng và hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện, Thủ trưởng các phòng, ngành huyện có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- TT HU;
- TT HĐND;
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VP. HĐND-UBND huyện.

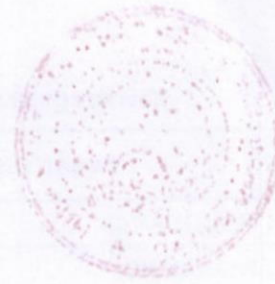
**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thành

# BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
# CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG THO.98

*(Kèm theo Quyết định số 4503/QĐ-UBND ngày 25 / 11 /2022 của UBND huyện Tân Châu)*

| STT | KHOẢN CHI PHÍ | DIỄN GIẢI | KÝ HIỆU | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|
| 1 | PHẦN ĐƯỜNG | Bảng tính | A | 1,782,906,022 |
| 2 | PHẦN CỐNG | Bảng tính | B | 87,752,011 |
| **I** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ** | A + B | G | 1,870,658,032 |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 10% x G | VAT | 187,065,803 |
| **II** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ** | G + VAT | $G_{XD}$ | **2,057,723,835** |
| **III** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN** | 2,763% x G | $G_{QLDA}$ | **51,686,281** |
| **IV** | **CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** | **$G_{TV}$ = T1:T10** | $G_{TV}$ | **186,927,069** |
| 1 | Chi phí lập BCKTKT | 2.5% x G x 1,08 | T1 | 50,507,767 |
| 2 | Chi phí khảo sát | Theo bảng tính | T2 | 65,738,000 |
| 3 | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát | 3% x T2 | T3 | 1,972,140 |
| 4 | Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC | 0,17% x G x 1,08 | T4 | 3,434,528 |
| 5 | Chi phí thẩm tra dự toán | 0,166% x G x 1,08 | T5 | 3,353,716 |
| 6 | Chi phí giám sát kỹ thuật xây dựng | 2,566% x G x 1,1 | T6 | 52,801,194 |
| 7 | Chi phí lập hs mời thầu (yêu cầu) | 0,346% x 45% x $G_{XD}$ | T7 | 3,203,876 |
| 8 | Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu (đề xuất) | 0,346% x 55% x $G_{XD}$ | T8 | 3,915,848 |
| 9 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (yêu cầu) | Tối thiểu | T9 | 1,000,000 |
| 10 | Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu | Tối thiểu | T10 | 1,000,000 |
| **V** | **CHI PHÍ KHÁC** | **$G_K$ = K1:K5** | $G_K$ | **34,129,538** |
| 1 | Chi phí thẩm định BCKTKT | 15% x (T4+T5) / 1,08 | K1 | 942,812 |
| 2 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 0,57% x Y | K2 | 13,283,660 |
| 3 | Chi phí đảm bảo an toàn giao thông | Theo bảng tính | K3 | 8,342,827 |
| 4 | Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng | 20% x T6 | K4 | 10,560,239 |
| 5 | Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu và KQLCNT | (Tối thiểu 1.000.000 đ) | K5 | 1,000,000 |
| **VI** | **GIÁ TRỊ DỰ TOÁN** | **$G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$** | Y | **2,330,466,723** |
| **VII** | **DỰ PHÒNG PHÍ** | DP1 | $G_{DP}$ | **116,523,336** |
| 1 | Dự phòng phát sinh khối lượng | Y x 5% | DP1 | 116,523,336 |
| **VIII** | **TỔNG DỰ TOÁN** | $G_{DP}$ + Y | $G_{XDCT}$ | **2,446,990,059** |
| | | ***Làm tròn*** | | ***2,446,990,000*** |



| | |
|---|---|
| UBND HUYỆN TÂN CHÂU<br>**PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 132 /TTr-P.KT&HT | *Tân Châu, ngày 21 tháng 11 năm 2022* |

# TỜ TRÌNH
## V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Đường THO.98

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường THO.98;

Căn cứ Kết quả thẩm tra số 36/BC-TTr/2022 ngày 7/11/2022 của Công ty TNHH Trường Trinh Phát về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Đường THO.98;

Căn cứ Kết quả thẩm định số 411 /KQTĐ-P.KT&HT ngày 21/11/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế công trình: Đường THO.98.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện kính trình UBND huyện xem xét phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Đường THO.98 với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Đường THO.98.

**2. Người quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu.

**4. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, Cấp IV.

**5. Địa điểm xây dựng:** Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát.

**7. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:** Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát.

**8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Công ty TNHH Trường Trinh Phát.

**9. Quy mô:**

9.1. Tổng chiều dài tuyến: 1.575,3m.

9.2. Hiện trạng tuyến:

- Bình đồ tuyến đi qua khu vực nhà dân và đất sản xuất thuộc địa phận xã Tân Hội.

- Trên tuyến thoát nước chủ yếu theo độ dốc tự nhiên của địa hình.

9.3. Quy mô kỹ thuật:

a. Chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Chiều rộng mặt đường: 5m.

+ Chiều rộng nền đường: Theo trắc ngang chi tiết.

b. Bình đồ:

+ Tim tuyến thiết kế bám theo tim hiện trạng.

c. Trắc dọc:

+ Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Trắc dọc tuyến được thiết kế êm thuận.

d. Trắc ngang:

+ Cao độ thiết kế trắc ngang là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Mặt đường rộng 5m, độ dốc ngang mặt đường 4%.

+ Taluy đào nền đường: 1/1. Taluy đắp nền đường: 1/1,5.

e. Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

* Đối với đoạn từ Km1+000 đến Km1+390 :

- Nền đường hiện hữu.

- Đắp đất cấp 2 đến cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

- Đắp sỏi đỏ dày 20cm, lu lèn độ chặt $K \geq 0,98$.

f. Trang thiết bị an toàn giao thông trên đường:

Bố trí biển báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

g. Hệ thống thoát nước:

+ Sử dụng ống cống BTCT M300 được sản xuất bằng phương pháp quay ly tâm kết hợp rung, tải trọng H30.

(Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình).

**10. Tổng mức đầu tư công trình (làm tròn): 2.446.990.000 đồng.** (*Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.057.723.835 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 51.686.281 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 186.927.069 đồng.
- Chi phí khác: 34.129.538 đồng.
- Chi phí dự phòng: 116.523.336 đồng.

**11. Thời gian thực hiện:** Năm 2022 - 2024.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Xây dựng nông thôn mới 60% (TW + tỉnh) + ngân sách huyện 30% + xã và vận động 10%.

**13. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**14. Các nội dung khác:** Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

Trên đây là Tờ trình của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc xin phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu xem xét phê duyệt để công trình sớm được đưa vào thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu P.KT&HT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG**
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

**Nguyễn Thanh Cường**

| | |
|---|---|
| UBND HUYỆN TÂN CHÂU<br>**PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 411 /KQTĐ-P.KT&HT<br>V/v Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Đường THO.98. | *Tân Châu, ngày 21 tháng 11 năm 2022* |

Kính gửi: Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Châu đã nhận được Tờ trình số 765/TTr-BQLDA ngày 8 /11/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường THO.98;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường THO.98;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 36/BC-TTr/2022 ngày 7 /11/2022 của Công ty TNHH Trường Trinh Phát về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Đường THO.98;

Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình như sau:

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Đường THO.98.

2. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp kỹ thuật: Cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu.

5. Giá trị tổng mức đầu tư công trình thẩm định: **2.488.978.000 đồng.** (*Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng*).

6. Nguồn vốn đầu tư: Xây dựng nông thôn mới 60% (TW + tỉnh) + ngân sách huyện 30% + xã và vận động 10%.

7. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát.

8. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty TNHH Trường Trinh Phát.

## II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG:

### 1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND huyện Tân Châu về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Đường THO.98.

### 2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Hồ sơ khảo sát công trình;

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình số 36/BC-TTr/2022 ngày 13/10/2022 của Công ty TNHH Trường Trinh Phát.

### 3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

**3.1 Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát** (Tư vấn khảo sát và lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình):

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 770/QĐ-SXD ngày 15/6/2021 của Sở Xây dựng TP. HCM, cụ thể:

+ Khảo sát địa hình: Hạng III.

+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều): Hạng III.

+ Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông (đường bộ): Hạng III.

+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều): Hạng III.

- Ông: Võ Việt Bảo Nghi, Chủ nhiệm khảo sát, thiết kế - Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN-00090400 – khảo sát, thiết kế công trình giao thông: Hạng II (còn hiệu lực).

**3.2 Công ty TNHH Trường Trinh Phát** (Tư vấn thẩm tra):

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 210/QĐ-SXD ngày 27/11/2019 của Sơ Xây dựng Tây Ninh, cụ thể:

+ Thiết kế, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ: Hạng III.

+ Khảo sát địa hình: Hạng III.

- Ông: Nguyễn Quốc Bảo, Chủ trì thẩm tra - Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: TAN-00059389 – định giá xây dựng: Hạng III (còn hiệu lực).

**III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:**

Giải pháp thiết kế chủ yếu của hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường THO.98 như sau:

**1. Chiều dài tuyến:**

Chiều dài tổng cộng 1.575,3m.

**2. Hiện trạng tuyến:**

- Đường hiện trạng rộng trung bình 4-5m.

- Trên tuyến thoát nước chủ yếu theo độ dốc tự nhiên của địa hình.

**3. Quy mô:**

9.1. Tổng chiều dài tuyến: 1.575,3m.

9.2. Hiện trạng tuyến:

- Bình đồ tuyến đi qua khu vực nhà dân và đất sản xuất thuộc địa phận xã Tân Hội.

- Trên tuyến thoát nước chủ yếu theo độ dốc tự nhiên của địa hình.

9.3. Quy mô kỹ thuật:

a. Chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Chiều rộng mặt đường: 5m.

+ Chiều rộng nền đường: Theo trắc ngang chi tiết.

b. Bình đồ:

+ Tim tuyến thiết kế bám theo tim hiện trạng.

c. Trắc dọc:

+ Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Trắc dọc tuyến được thiết kế êm thuận.

d. Trắc ngang:

+ Cao độ thiết kế trắc ngang là cao độ tim mặt đường hoàn thiện.

+ Mặt đường rộng 5m, độ dốc ngang mặt đường 4%.

+ Taluy đào nền đường: 1/1.

+ Taluy đắp nền đường: 1/1,5.

e. Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- Nền đường hiện hữu.

- Đắp đất cấp 2 đến cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt K ≥ 0,95.

- Đắp sỏi đỏ dày 20cm, lu lèn độ chặt K ≥ 0,98.

f. Trang thiết bị an toàn giao thông trên đường:

Bố trí biển báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

g. Hệ thống thoát nước:

+ Sử dụng ống cống BTCT M300 được sản xuất bằng phương pháp quay ly tâm kết hợp rung, tải trọng H30.

(Chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình).

**IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:**

Trên cơ sở nội dung trình thẩm định tại Tờ trình số 765/TTr-BQLDA ngày 8 /11/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu và hồ sơ tài kiệu kèm theo, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tiến hành thẩm định hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường THO.98 theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu Tư công và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ với các nội dung như sau:

**1 Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập hồ sơ Báo cáo KTKT, thẩm tra hồ sơ Báo cáo KTKT; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:**

**a. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập hồ sơ Báo cáo KTKT, thẩm tra hồ sơ Báo cáo KTKT:**

- Hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường THO.98 được UBND huyện Tân Châu phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 giao cho Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu làm chủ đầu tư.

- Sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư, chủ đầu tư đã thực hiện lựa chọn Tư vấn khảo sát và lập hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, tư vấn thẩm tra để tổ chức thực hiện công tác khảo sát, thiết kế lập hồ sơ Báo cáo KTKT xây dựng công trình, tổ chức thẩm tra… trước khi phê duyệt hồ sơ Báo cáo KTKT xây dựng công trình là phù hợp với quy định hiện hành về quy định tổ chức lập hồ sơ Báo cáo KTKT xây dựng công trình.

Hồ sơ báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

**b. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập hồ sơ Báo cáo KTKT, thẩm tra hồ sơ Báo cáo KTKT :**

- Đơn vị Tư vấn khảo sát và lập hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật (Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng Cường Phát) và Đơn vị Tư vấn thẩm tra (Công ty TNHH Trường Trinh Phát) có đầy đủ năng lực theo quy định.

(Hồ sơ năng lực của các đơn vị này do chủ đầu tư cung cấp là bản photocopy không công chứng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ này).

**2. Sự phù hợp của Báo cáo Kinh tế kỹ thuật với quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt:**

- Phù hợp theo Quy hoạch giao thông nông thôn mới Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quy mô theo hồ sơ BCKTKT: Công trình được đầu tư với quy mô Đường giao thông, cấp IV.

**3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định:**

- Công trình: Đường THO.98 được UBND huyện Tân Châu phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 19/8/2022.

- Quy mô đầu tư theo chủ trương đầu tư: Đường sỏi đỏ dài 2.442m. Quy mô trong hồ sơ Báo cáo KTKT trình thẩm định: Đường sỏi đỏ dài 1.575,3m.

- Sơ bộ tổng mức đầu tư theo chủ trương đầu tư được duyệt: 3.809.000.000 đồng; Tổng mức đầu tư thẩm định: 2.488.978.000 đồng.

- Nguồn vốn theo chủ trương đầu tư và hồ sơ trình thẩm định: Xây dựng nông thôn mới 60% (TW + tỉnh) + ngân sách huyện 30% + xã và vận động 10%.

- Thời gian thực hiện dự án: Theo chủ trương đầu tư: 2022-2024, hồ sơ trình thẩm định: 2022-2024.

Như vậy, hồ sơ Báo cáo KTKT xây dựng công trình được lập phù hợp với chủ trương đầu tư được UBND huyện Tân Châu phê duyệt.

**4. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng ; việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống, cháy, nổ và bảo vệ môi trường.**

**4.1. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng :**

- Giải pháp thiết kế là giải pháp thông dụng hiện nay, không có công nghệ phức tạp, tuyến đường được thiết kế trên nền đường hiện hữu có địa chất bình thường, về kết cấu đảm bảo an toàn chịu lực.

- Các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công phù hợp với quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải và biện pháp quản lý máy móc, thiết bị, con người vật liệu… an toàn lao độngphù hợp với quy địnhtại Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng về quy định an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

**4.2 Việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống, cháy, nổ và bảo vệ môi trường.**

- Phương án phòng, chống cháy, nổ và các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các quy định hiện hành.

- Dự án có cấp kỹ thuật công trình là Đường giao thông nông thôn, cấp IV, không thuộc danh mục dự án phải thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

**5. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:** Tuân thủ.

**6. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng:** Tuân thủ.

**7. Giá trị tổng mức đầu tư công trình sau thẩm định: 2.446.990.000 đồng.**
(*Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.057.723.835 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 51.686.281 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 186.927.069 đồng.
- Chi phí khác: 34.129.538 đồng.
- Chi phí dự phòng: 116.523.336 đồng.

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

- Loại bỏ chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế.

| STT | Hạng mục | Trước thẩm định (đồng) | Sau thẩm định (đồng) | Chênh lệch (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí xây dựng: | 2.094.279.224 | 2.057.723.835 | - 36.555.389 |
| 2 | Chi phí quản lý dự án: | 52.604.486 | 51.686.281 | - 918.205 |
| 3 | Chi phí tư vấn ĐTXD: | 189.009.423 | 186.927.069 | - 2.082.354 |
| 4 | Chi phí khác: | 34.561.822 | 34.129.538 | - 432.284 |
| 5 | Chi phí dự phòng: | 118.522.748 | 116.523.336 | - 1.999.412 |
| **Tổng dự toán (làm tròn)** | | **2.488.978.000** | **2.446.990.000** | **- 41.988.000** |

## VI. KẾT LUẬN:

Công trình: Đường THO.98 đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc lưu trữ hồ sơ theo quy định tại khoản 7, Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định.

Nội dung thẩm định nêu trên không thay thế trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn trong công tác quản lý chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư dự án.

Trên cơ sở Thông báo này, chủ đầu tư có trách nhiệm điều chỉnh và hoàn thiện hồ sơ và các thủ tục có liên quan theo đúng quy định.

Trên đây là Thông báo của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu P.KT&HT.

**KT TRƯỞNG PHÒNG**
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

**Nguyễn Thanh Cường**

# BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
## CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG THO.98

| STT | KHOẢN CHI PHÍ | DIỄN GIẢI | KÝ HIỆU | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|
| 1 | PHẦN ĐƯỜNG | Bảng tính | A | 1,782,906,022 |
| 2 | PHẦN CỐNG | Bảng tính | B | 87,752,011 |
| **I** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ** | A + B | G | 1,870,658,032 |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 10% x G | VAT | 187,065,803 |
| **II** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ** | G + VAT | $G_{XD}$ | **2,057,723,835** |
| **III** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN** | 2,763% x G | $G_{QLDA}$ | **51,686,281** |
| **IV** | **CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** | **$G_{TV}$ = T1:T10** | $G_{TV}$ | **186,927,069** |
| 1 | Chi phí lập BCKTKT | 2.5% x G x 1,08 | T1 | 50,507,767 |
| 2 | Chi phí khảo sát | Theo bảng tính | T2 | 65,738,000 |
| 3 | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát | 3% x T2 | T3 | 1,972,140 |
| 4 | Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC | 0,17% x G x 1,08 | T4 | 3,434,528 |
| 5 | Chi phí thẩm tra dự toán | 0,166% x G x 1,08 | T5 | 3,353,716 |
| 6 | Chi phí giám sát kỹ thuật xây dựng | 2,566% x G x 1,1 | T6 | 52,801,194 |
| 7 | Chi phí lập hs mời thầu (yêu cầu) | 0,346% x 45% x $G_{XD}$ | T7 | 3,203,876 |
| 8 | Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu (đề xuất) | 0,346% x 55% x $G_{XD}$ | T8 | 3,915,848 |
| 9 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (yêu cầu) | Tối thiểu | T9 | 1,000,000 |
| 10 | Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu | Tối thiểu | T10 | 1,000,000 |
| **V** | **CHI PHÍ KHÁC** | **$G_K$ = K1:K5** | $G_K$ | **34,129,538** |
| 1 | Chi phí thẩm định BCKTKT | 15% x (T4+T5) / 1,08 | K1 | 942,812 |
| 2 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 0,57% x Y | K2 | 13,283,660 |
| 3 | Chi phí đảm bảo an toàn giao thông | Theo bảng tính | K3 | 8,342,827 |
| 4 | Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng | 20% x T6 | K4 | 10,560,239 |
| 5 | Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu và KQLCNT | (Tối thiểu 1.000.000 đ) | K5 | 1,000,000 |
| **VI** | **GIÁ TRỊ DỰ TOÁN** | **$G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$** | Y | **2,330,466,723** |
| **VII** | **DỰ PHÒNG PHÍ** | DP1 | $G_{DP}$ | **116,523,336** |
| 1 | Dự phòng phát sinh khối lượng | Y x 5% | DP1 | 116,523,336 |
| **VIII** | **TỔNG DỰ TOÁN** | $G_{DP}$ + Y | $G_{XDCT}$ | **2,446,990,059** |
| | | ***Làm tròn*** | | ***2,446,990,000*** |

# BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

**CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG THO.98**

**HẠNG MỤC: ĐƯỜNG**

| STT | CHI PHÍ | KÝ HIỆU | CÁCH TÍNH | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|
| | **CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ** | | | |
| | Chi phí Vật liệu | A1 | Bảng giá trị vật tư | 1,481,827,673 |
| | Chi phí Nhân công | B1 | Bảng giá trị vật tư | 26,740,224 |
| | Chi phí Máy thi công | C1 | Bảng giá trị vật tư | 58,987,381 |
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP | | | |
| 1 | Chi phí Vật liệu | VL | A1*1 | 1,481,827,673 |
| 2 | Chi phí Nhân công | NC | B1*1 | 26,740,224 |
| 3 | Chi phí Máy thi công | MTC | C1*1 | 58,987,381 |
| | **Cộng chi phí trực tiếp** | **T** | **VL+NC+MTC** | **1,567,555,278** |
| II | CHI PHÍ GIÁN TIẾP | | | |
| | Chi phí chung | C | T*6.2% | 97,188,427 |
| | Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công | LT | T*1.1% | 17,243,108 |
| | Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế | TT | | - |
| | **Cộng chi phí gián tiếp** | **GT** | **C+LT+TT** | **114,431,535** |
| | *Giá thành dự toán xây dựng* | *Z* | *T+GT* | *1,681,986,813* |
| III | THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC | TL | (T+GT)*6% | 100,919,209 |
| | **Chi phí xây dựng trước thuế** | **G** | **T+GT+TL** | **1,782,906,022** |
| IV | THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG | GTGT | G*10% | 178,290,602 |
| | Chi phí xây dựng sau thuế | GXDST | G+GTGT | 1,961,196,624 |
| | **TỔNG CỘNG** | **TC** | **GXDST** | **1,961,196,624** |

***Bằng chữ: Một tỷ chín trăm sáu mươi mốt triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng.***